

Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 169/2002/QĐ-TTg ngày 27/11/2002 về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trong quân đội.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 120/1997/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 1997 quy định về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trong các cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam được trang bị xe ô tô là những đơn vị được quy định tại Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Bộ Quốc phòng và các quy định khác của Nhà nước liên quan đến tổ chức của quân đội.

Điều 2. Xe ô tô quy định tại Quyết định này là xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống dùng để phục vụ:

cán bộ lãnh đạo, đảm bảo nhiệm vụ chỉ huy và để phục vụ cán bộ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng đi công tác.

Các xe ô tô trên được mua từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (kể cả viện trợ, chiến lợi phẩm, quà biếu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật, các dự án, chương trình khi kết thúc chuyển giao); mua sắm từ nguồn vốn của doanh nghiệp nhà nước trong quân đội và các nguồn khác được đưa vào trang bị quân sự.

Điều 3.

1. Xe ô tô trong quân đội được quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý tài sản nhà nước và theo tiêu chuẩn định mức quy định tại Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc quản lý, sử dụng và đăng ký biển số xe (kể cả xe của các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước trong quân đội).

2. Các đơn vị được trang bị xe ô tô không được bán, tặng, chuyển quyền sở hữu sử dụng cho các tổ chức hoặc cá nhân khác nếu không được phép của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Nghiêm cấm sử dụng xe ô tô của Nhà nước vào mục đích cá nhân, cho thuê và các mục đích khác mà không phải là phục vụ chiến đấu, huấn luyện và công tác của quân đội.

Điều 4.

1. Cán bộ có chức danh sau đây được sử dụng một xe ô tô con trong thời gian công tác.

a) Bộ trưởng.

b) Thứ trưởng.

c) Các chức danh lãnh đạo, chỉ huy có phụ cấp chức vụ lãnh đạo tương đương với Thứ trưởng.

d) Cán bộ có quân hàm cấp tướng không thuộc các chức danh quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này và cán bộ đang giữ chức vụ là chức danh có trên quân hàm cấp tướng.

2. Các nhà khoa học có tiêu chuẩn được sử dụng xe ô tô con theo Quyết định số 33/2001/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Các xe ô tô quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xem xét thay thế khi đã sử dụng có tỷ lệ hao mòn từ 70% trở lên hoặc không bảo đảm an toàn khi vận hành.

Điều 5. Xe ô tô dùng chung:

1. Cán bộ chỉ huy có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,5 đến dưới 1,1 và cán bộ cao cấp (ngoài các đối tượng quy định tại Điều 4 của Quyết định này) được bố trí xe ô tô đi công tác, không bố trí xe đưa đón từ nơi ở tới nơi làm việc hàng ngày.

Trong trường hợp cấp bách phục vụ nhiệm vụ, người chỉ huy đơn vị được quyền bố trí xe cho các chức danh khác đi công tác.

2. Số lượng xe ô tô để sử dụng chung cho các cơ quan, đơn vị hành chính quân sự được xác định theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Các đơn vị chiến đấu từ cấp sư đoàn trở xuống (hoặc tương đương) và các trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định số lượng xe ô tô để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

Điều 6. Các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước trong Quân đội nhân dân Việt Nam được trang bị xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 15 Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Giá mua xe ô tô thực hiện theo quy định tại Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Bộ Tài chính.

Khi có nhu cầu mua xe ô tô nhập ngoại, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 8. Hàng năm, căn cứ vào số xe ô tô hiện có và tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô theo Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xác

định nhu cầu, lập dự toán để mua bổ sung thay thế số xe đã hư hỏng theo quy định.

Điều 9. Căn cứ vào quy định tại Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

1. Quyết định biên chế trang bị xe ô tô cho từng loại hình tổ chức.

2. Quy định chủng loại xe ô tô cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ: chiến đấu, huấn luyện và công tác của quân đội.

3. Điều chỉnh số xe ô tô hiện có của các đơn vị cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức hướng dẫn các đơn vị việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn định mức trang bị của pháp luật.

Điều 10.

1. Người đứng đầu các đơn vị trong quân đội ra quyết định mua sắm xe ô tô không đúng thẩm quyền và tiêu chuẩn, định mức, chủng loại, giới hạn về giá thì bị xử lý kỷ luật, trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc mua sắm, quản lý, sử dụng xe ô tô không đúng tiêu chuẩn, định mức vượt quá giá quy định tại Điều 7 Quyết định này thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 12. Bộ trưởng các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**ĐỊNH MỨC TRANG BỊ XE ÔTÔ SỬ DỤNG CHUNG
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRONG QUÂN ĐỘI**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 169/2002/QĐ-TTg
ngày 27/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ).*

Số thứ tự	Đơn vị	Định mức trang bị
1	Cơ quan: Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu và các Tổng cục	Từ 8 đến 10 cán bộ/xe
2	Cơ quan: Quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, binh đoàn	Từ 12 đến 15 cán bộ/xe
3	Cơ quan: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và tương đương	Từ 18 đến 20 cán bộ/xe
4	Học viện, Trung tâm nghiên cứu, Trường sĩ quan trực thuộc Bộ	Từ 30 đến 35 cán bộ/xe
5	Học viện, Viện nghiên cứu, Trường sĩ quan, Trường cao đẳng trực thuộc Tổng cục, quân chủng, binh chủng	Từ 40 đến 45 cán bộ/xe
6	Trường trung cấp, sơ cấp, dạy nghề và tương đương	Không quá 3 xe/1 đơn vị
7	Các bệnh viện có dưới 250 giường bệnh	Không quá 3 xe/1 đơn vị
8	Các bệnh viện có 251 đến 500 giường bệnh	Không quá 4 xe/1 đơn vị
9	Các bệnh viện có trên 500 giường bệnh	Không quá 5 xe/1 đơn vị
10	Các kho tương đương cấp trung đoàn, lữ đoàn	Không quá 2 xe/1 đơn vị
11	Các xí nghiệp liên hợp	Không quá 5 xe/1 đơn vị
12	Các nhà máy, xí nghiệp	Không quá 3 xe/1 đơn vị
13	Đoàn nghệ thuật	Không quá 2 xe/1 đơn vị
14	Đoàn điều dưỡng, an dưỡng	Không quá 2 xe/1 đơn vị
15	Cơ quan Ban Chỉ huy quân sự huyện	1 xe/1 đơn vị

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 170/2002/QĐ-TTg ngày 27/11/2002
về việc chuyển Khu bảo tồn thiên
nhiên Bù Gia Mập thành Vườn
quốc gia Bù Gia Mập, tỉnh Bình
Phước.**

*Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 19
tháng 8 năm 1991;*

*Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn (Công văn số 1675/BN-NT ngày 24
tháng 6 năm 2002) và đề nghị của Ủy ban nhân
dân tỉnh Bình Phước (Công văn số 41/BC-UB
ngày 04 tháng 9 năm 2002),*

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng
12 năm 2001;*

Điều 1. Chuyển Khu bảo tồn thiên nhiên Bù